

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bên bờ suối
Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 1) của Ban
Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bên bờ suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 19/01/2022;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM Dự án cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bên bờ suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 1) tại phường Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 128/BQL-KTTĐ ngày 17/3/2022 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 284/TTr-STNMT ngày 19/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM Dự án cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bên bờ suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 1) (sau đây gọi là Dự án) tại phường Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định (Chủ Dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại trụ sở UBND phường Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này. Cụ thể hóa các giải pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng vào các hợp đồng thi công với nhà thầu, hướng dẫn giám sát các nhà thầu thực hiện.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban QLDA NN&PTNT tỉnh;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND phường Trần Quang Diệu;
- UBND phường Bùi Thị Xuân;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
CẢI TẠO HỆ THỐNG TIÊU THOÁT LŨ VÀ KẾT NỐI GIAO THÔNG
HAI BỜ SUỐI TRÀU KHU ĐÔ THỊ LONG VÂN, THÀNH PHỐ
QUY NHƠN (GIAI ĐOẠN 1) CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 1).

1.2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

1.3. Địa chỉ: số 200 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.4. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.5. Phạm vi, quy mô dự án, công suất dự án:

- Nạo vét, cải tạo hồ Bàu Lác diện tích 42,67 ha.
- Xây dựng tuyến kè bảo vệ kết hợp đường đi bộ dọc kè, chiều dài 3.838 m bao gồm cả phần hạ tầng chờ đầu nối cắt ngang qua kè (cống thoát nước mưa, nước thải, hệ thống thông tin liên lạc,...) theo quy hoạch được phê duyệt, tuyến kè gồm 02 tuyến:
 - + Tuyến kè bờ tả với chiều dài 2.068 m với 08 cửa xả.
 - + Tuyến kè bờ hữu với chiều dài 1.770 m với 04 cửa xả.
- Xây dựng cầu giao thông số 1 rộng 30 m và tuyến đường nối dài 701,32 m.
- Xây dựng cầu giao thông số 2 rộng 33 m và tuyến đường nối dài 346,54 m.
- Bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 72,75 ha đất thuộc phạm vi thực hiện dự án giai đoạn 1 và phần diện tích để xây dựng Quảng trường trung tâm Khu đô thị Long Vân.
- Phương án thi công nạo vét: Máy đào (0,8 m³ đến 1,6 m³) → ô tô tự đổ 10 tấn, 15 tấn → vị trí san lấp tại dãy cây xanh cách ly bên trong kè và một phần đắp thân kè.
- Thời gian thực hiện dự án: năm 2022 - 2024, trong đó, thời gian nạo vét: từ tháng 6 đến tháng 9 hằng năm vào thời điểm hồ cạn nước (năm 2022 - 2023).

1.6. Các hạng mục công trình chính của dự án: đỉnh kè, thân kè, chân kè, mặt kè, hệ thống thoát nước mặt, đường đi bộ trên mặt kè, dây cây xanh cách ly bên trong kè; cầu giao thông và đường giao thông.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Giai đoạn thi công: nước thải sinh hoạt; bùn, cát từ quá trình nạo vét; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải rắn từ quá trình nạo vét, đào đất; bụi và khí thải từ các phương tiện nạo vét, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, đất đắp.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng nước thải phát sinh khoảng 2,7 (m³/ngày).

Tính chất nước thải: nước thải sinh hoạt có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao.

- Nước thải quá trình thi công, xây dựng: phát sinh khoảng 0,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: cặn lơ lửng, đất, cát, dầu mỡ.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: bụi, khí thải phát sinh trong quá trình xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp, thiết bị, chất nạo vét đến nơi đổ chất nạo vét; tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị trong quá trình thi công.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 41,09 kg/ngày; khối lượng đất phong hóa, đất nạo vét tận dụng san lấp là khoảng 740.000 m³ trong đó khối lượng đất nạo vét từ hồ Bàu Lác là 650.000 m³; khối lượng phát quang, đất đào gốc cây khoảng 500 m³; khối lượng chất thải rắn xây dựng khoảng 1.028 kg.

- Tính chất của CTR: CTR sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi; chất thải rắn từ quá trình đào bóc phong hóa có thành phần đất, cát dễ phát tán vào môi trường; chất thải rắn xây dựng gây bụi, bồi lắng khu vực xung quanh.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

- Giai đoạn thi công, xây dựng: gồm các loại vật dụng nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang, dầu nhớt thải,... với khối lượng phát sinh khoảng 92 kg/năm.

- Tính chất CTNH: có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 04 nhà vệ sinh di động để thu gom nước thải sinh hoạt.
- Nước mưa chảy tràn: thường xuyên kiểm tra, nạo vét khơi thông các các mương thoát nước tạm thời, thu dọn vật liệu xây dựng rơi vãi, tránh hiện tượng nước mưa cuốn trôi vật liệu xuống hồ Bầu Lác.
- Nước thải xây dựng: bố trí các hố lắng xung quanh dự án để lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Đối với các vị trí đổ đất nạo vét: phun chế phẩm sinh học tần suất 01 lần/ngày để giảm thiểu mùi hôi phát sinh.
- Định kỳ phun nước tưới ẩm giảm thiểu bụi với tần suất 02 lần/ngày trên các tuyến đường vận chuyển và những khu vực dễ phát sinh bụi.
- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu: vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường; chờ đứng tải trọng cho phép trên từng tuyến đường, có bạt phủ kín không để rơi vãi.
- Đối với các bãi tập kết nguyên vật liệu: Sử dụng bạt để che chắn các bãi tập kết, đảm bảo không cho phát tán bụi.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH:

- CTR sinh hoạt: bố trí thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại lán trại của công nhân để thu gom rác và giảm thiểu mùi hôi phát sinh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý trong giai đoạn thi công, xây dựng.
- CTR từ hoạt động phát quang đào gốc cây sẽ tập hợp về khu vực phía Đông Bắc mặt bằng.
- CTNH: bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt gần khu vực lán trại (nền chống thấm, có mái che). Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công, xây dựng.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Hạn chế tối đa hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và buổi tối. Các thiết bị (máy đầm, cắt, khoan, ...), phương tiện không hoạt động trong khoảng thời gian từ 18h00 - 6h00 sáng ngày hôm sau.
- Hạn chế hú còi và giảm tốc độ xe khi đi qua các khu vực tập trung đông dân cư.
- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc thiết bị hư hỏng.

- Bố trí các biển báo hiệu xung quanh các khu vực thi công: biển báo hạn chế tốc độ, biển báo công trường,... trên khoảng cách tối thiểu 150 m, chóp cao su, dây, cờ, còi.

- Thông báo, niêm yết công khai tại khu vực thực hiện dự án gồm: thời gian thi công xây dựng và vận chuyển nguyên vật liệu.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Tiến hành nạo vét trong phạm vi, ranh giới đã được cho phép và thi công dự án vào các tháng trong mùa khô để giảm thiểu các tác động liên quan đến chế độ thủy văn khu vực dự án.

- Tiến hành quan trắc, đo đạc địa hình đồng thời giám sát chiều sâu nạo vét.

- Cam kết hỗ trợ, đền bù thiệt hại về kinh tế trong quá trình thi công nạo vét làm ảnh hưởng đến sản xuất hợp pháp các hộ dân theo đúng quy định.

4. Danh mục biện pháp bảo vệ môi trường chính của dự án

- Thiết bị thu gom nước thải sinh hoạt (nhà vệ sinh di động).

- Thiết bị thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Trong giai đoạn thi công của dự án

Trong giai đoạn thi công xây dựng, Chủ dự án thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

a) Giám sát chất thải rắn

- Khu vực tập kết chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại) tại công trường.

- Thông số giám sát: Thành phần và khối lượng các chất thải phát sinh.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

b) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.

+ KK1: Khu vực tiếp giáp đường Long Vân – Long Mỹ ở phía Đông.

+ KK2: Khu vực tiếp giáp khu dân cư phía Tây.

- Các thông số quan trắc: bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2016/BTNMT, QCVN 06:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: Chủ dự án sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lấy mẫu với tần suất 03 tháng/lần kể từ lúc Dự án bắt đầu xây dựng.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam

c) Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 02 điểm tại vị trí điểm đầu và cuối của hồ Bàu Lác.
- Các thông số quan trắc: pH, TSS, BOD, COD, độ đục, Amoni, dầu mỡ, Coliform.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1.
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.
- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

d) Giám sát các thông số nạo vét: Tổ chức giám sát độ sâu, phạm vi, xói lở và ổn định dòng chảy.

- Giám sát chặt chẽ phương tiện thi công nạo vét đảm bảo thi công đúng phạm vi, thiết kế công trình.
- Giám sát thi công nạo vét bảo đảm các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường và các yêu cầu khác theo quy định pháp luật.

e) Giám sát sạt lở

- Tổ chức giám sát nhằm phát hiện các hiện tượng sạt lở trong quá trình đào đắp, xác định quy mô, mức độ để có biện pháp xử lý kịp thời.
- Vị trí giám sát: các khu vực đào đắp, khu vực đổ thải.

5.2. Giám sát trong giai đoạn hoạt động: Giám sát lũ lụt, sạt lở, bồi lấp kênh mương.

6. Một số yêu cầu bổ sung

- Toàn bộ chất thải thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành của Dự án phải được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý đúng quy định.